TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 49, 29/11 - 03/12/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Nỗi sợ lấn át niềm tin"

Mối lo ngại rằng sự xuất hiện của chủng Omicron sẽ làm ảnh hưởng đến thị trường tài chính toàn cầu do tác động của nó đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu và góp phần gây ra gián đoạn chuỗi cung ứng. Tại Mỹ, các chỉ số chứng khoán chính điều chỉnh trước thông tin rằng Cục Dự trữ Liên bang có thể cắt giảm việc mua tài sản hàng tháng của mình với tốc độ nhanh hơn làm S&P500 giảm -1,2%. Cổ phiếu châu Âu có kết quả trái chiều sau một tuần giao dịch đầy biến động, chỉ số European STOXX Europe 600 Index đóng cửa giảm 0,28%. Thị trường chứng khoán của Nhật Bản đã ghi nhận mức lỗ trong tuần, chỉ số Nikkei 225 giảm 2,51%. Ngược lại, chứng khoán Trung Quốc ghi nhận mức tăng bất chấp sự trỗi dậy của căng thẳng Mỹ-Trung. Chỉ số Shanghai Composite Index tăng 1,2%.

Nỗi lo sợ về biến thể Omicron cũng lan sang thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhiều nhà đầu tư lo ngại về khả năng thị trường sẽ có một đợt điều chỉnh tương tự tháng 1 vừa qua. VN Index có 1 phiên tăng và 4 phiên giảm. Trong đó, ngày thứ Sáu vừa qua là ngày bị ảnh hưởng nặng nề nhất kể từ tháng Bảy khi Omicron xuất hiện ở một số khu vực Đông Nam Á khiến các nhà đầu tư bắt đầu bán tháo mạnh hơn. Kết quả là, VN Index đã bị điều chỉnh và mất 38,72 điểm trong phiên cuối tuần và giảm 49,71 điểm hay -3,3% so với tuần trước để đóng cửa ở mức 1.443,32 điểm. Đồng thời, chỉ số HNX Index và UPCOM đều giảm 2,0%.

Theo góc nhìn kỹ thuật, VN Index đã phá vỡ ngưỡng hỗ trợ mạnh. Chỉ báo RSI cũng cho thấy sự phân kỳ giảm giá và đường MACD tiếp cách xa đường signal, có nghĩa là sự điều chỉnh có thể tiếp tục. Đường MA50 là mức hỗ trợ gần nhất cho chỉ số hoặc nếu chỉ số bật trở lại trên mức Fibonacci 50%, tình hình có thể sáng sủa hơn. Như đã đề cập trong báo cáo chiến lược trước đó, kỳ vọng về triển vọng tăng trưởng dài hạn của Việt Nam là không thay đổi và chưa có bằng chứng cho thấy Omicron có ảnh hưởng nghiêm trọng đến bệnh nhân. Như vậy, thị trường điều chỉnh trong ngắn hạn là cơ hội cho các nhà đầu tư bỏ lỡ đợt sóng tăng lần trước. Chúng tôi tin rằng thị trường sẽ sớm quay lại xu hướng đi lên.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,443	-3.3	-0.6	8.1	7.6		17.1	2.7	247
Upcom Index	112	-2.0	4.8	19.3	25.4		52.5	3.7	62
HNX Index	449	-2.0	5.9	30.8	39.5		29.1	2.9	19
VN30 Index	1,504	-4.0	-1.1	5.4	1.7		14.5	2.9	171
S&P 500 Index	4,538	-1.2	-2.0	0.0	7.8		24.9	4.7	40,045
STOXX Europe 600 Index	463	-0.3	-3.5	-2.5	2.5		19.7	2.1	14,551
Hang Seng	23,767	-1.3	-5.3	-8.9	-18.9		9.6	1.0	2,977
Nikkei 225	28,030	-2.5	-5.1	-1.8	-3.2		16.0	1.9	4,097
SHCOMP Index	3,607	1.2	2.9	0.3	0.3		15.4	1.6	7,408
STI Index	3,102	-2.0	-4.0	0.4	-1.9		20.3	1.1	370
KOSPI Index	2,968	1.1	-1.5	-6.5	-7.9		13.7	1.1	1,790

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Thanh khoản thị trường sụt giảm đáng kể trong tuần qua khi thị trường chứng kiến sự điều chỉnh mạnh. Có nghĩa là lượng bán tháo vẫn chưa đáng kể so với những đợt điều chỉnh đao chiều xu hướng trước đó. Giá trị khớp lệnh bình quân mỗi phiên trên HSX tuần qua đạt 27,920 tỷ đồng, giảm 9,1% so với tuần trước.

Xét theo quy mô vốn hóa, Mid Cap là nhóm duy nhất giữ được mức tăng, cao hơn 0,3% so với tuần trước đó, thanh khoản của họ vẫn ổn định, tăng 0,5%. Trong khi nhóm Large Cap bị ảnh hưởng nặng nề nhất trong các nhóm, với vốn hóa giảm 3.7% và thanh khoản bốc hơi 12,5%.

Trong tất cả các ngành, nhóm cổ phiếu Y tế có tuần giao dịch vượt trội so với các ngành còn lại với giá trị vốn hóa thị trường tăng 5,3%. Các ngành công nghiệp là nhóm thứ 2 có thể giữ mức tăng,+0,4%. Bên cạnh đó, thanh khoản của nhóm này tăng cao hơn 10,4% trong khi các nhóm còn lại giảm. Ngược lại, nhóm ngân hàng, dầu khí, dịch vụ tiêu dùng nằm trong nhóm ảnh hưởng nặng nề nhất với mức giảm lần lượt 6,6%, 5,5 và 5,1%, thanh khoản của các nhóm này cũng sụt giảm đáng kể.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	-3.7	-0.8	29.4	-12.5	-5.2	18.8	68.1	-2.7	22.5	3.1	4,879,328
Mid Cap	0.3	5.2	48.6	0.5	-11.9	14.0	29.4	2.8	22.6	1.9	666,441
Small Cap	-0.4	4.4	45.5	-11.2	-22.5	-4.3	2.5	-0.1	28.3	1.2	72,009

Theo ngành

Tên ngành	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD						
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Dược và Y tế	5.3	9.7	22.1	-23.8	-3.7	27.1	0.8	-0.1	21.9	2.7	46,618
Công nghiệp	0.4	8.6	50.6	10.4	-0.6	38.9	13.8	2.4	21.3	2.0	297,049
Tài chính	-0.1	4.8	42.2	3.7	4.1	33.7	38.8	4.8	27.9	3.2	1,633,662
Nguyên vật liệu	-2.4	-9.3	55.8	-8.3	-29.0	-22.6	12.1	0.1	19.4	2.8	532,172
Hàng Tiêu dùng	-2.5	0.6	7.5	-8.9	-15.9	15.2	9.5	0.0	24.7	3.3	677,871
Tiện ích Cộng đồng	-4.0	-11.7	11.7	-2.8	-25.4	-15.0	1.7	0.1	19.2	2.4	283,151
Công nghệ Thông tin	-4.0	-2.4	89.4	-28.1	-23.2	-14.3	0.9	-0.3	26.2	3.8	104,109
Dịch vụ Tiêu dùng	-5.1	-1.2	36.9	-14.3	-21.5	-9.3	2.4	-0.1	n.a	4.9	255,215
Dầu khí	-5.5	-0.1	7.2	-22.0	-38.6	-20.3	1.0	-0.2	79.6	3.3	78,672
Ngân hàng	-6.6	-0.7	27.2	-32.8	-4.9	24.5	19.0	-6.7	16.2	2.6	1,709,528

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển dòng vốn trên thị trường châu Á, Hàn Quốc tiếp tục có dòng vốn ròng đạt hơn 1 tỷ USD cùng với Đài Loan (596 triệu USD). Ngược lại, dòng vốn vào Ấn Độ (-1,591 triệu USD), Nhật Bản (-2,731 triệu USD) tiếp tục bị rút ròng nhưng với quy mô lớn hơn. Tại thị trường Việt Nam, dòng vốn nước ngoài đã rút ra khỏi thị trường Việt Nam với số tiền 135 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, hầu hết các quỹ ETF đã bán ra cổ phiếu trong tuần trước dẫn đến dòng vốn khỏi kênh này tăng lên 22,75 triệu USD. Fubon và DCVFMVN30 có mức rút tiền lớn nhất với lần lượt là 8,37 triệu USD và 13,17 triệu USD. Trong khi SSIAM VNFINLEAD là công ty duy nhất tạo thêm rổ cổ phiếu khi giải ngân 0,96 triệu USD.

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3,463**	**-22.75**	**-57.09**	**-111.8**	**63.2**
Nước ngoài	**2,179**	**-10.54**	**-34.18**	**-131.6**	**90.2**
VanEck Vectors Vietnam ETF	575	0.00	0.00	-2.9	38.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	462	-8.37	-21.65	-55.9	200.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	505	0.00	3.60	3.6	7.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	402	0.00	-6.51	-68.6	-78.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	174	0.00	-9.88	-9.9	-88.9
Premia MSCI Vietnam ETF	31	-2.17	0.26	0.8	-0.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	17	0.00	0.00	0.0	-1.1
Asian Growth CUBS ETF	13	0.00	0.00	1.4	12.7
Trong nước	**1,285**	**-12.21**	**-22.91**	**19.8**	**-26.9**
DCVFMVN Diamond ETF	619	0.00	0.00	0.0	-54.6
DCVFMVN30 ETF Fund	472	-13.17	-23.06	-2.8	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	144	0.96	4.30	20.6	0.0
MAFN VN30 ETF	27	0.00	-3.73	2.0	20.9
SSIAM VNX50 ETF	14	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	-0.42	-0.01	6.8

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	10,946	-34,044	30,656
Ấn độ	-1,591	-408	-3,436	5,094
Indonesia	-223	-74	638	2,514
Nhật Bản	-2,731	-400	16,448	41,977
Maylaysia	-131	-92	327	-589
Philippines	-36	-49	-36	-1,777
Hàn Quốc	1,954	1,904	1,719	-23,745
Sri Lanka	-2	1	-26	-254
Đài Loan	596	1,045	-659	-17,339
Thái Lan	-339	-104	45	-2,432
Việt Nam	-135	-96	-745	-2,691

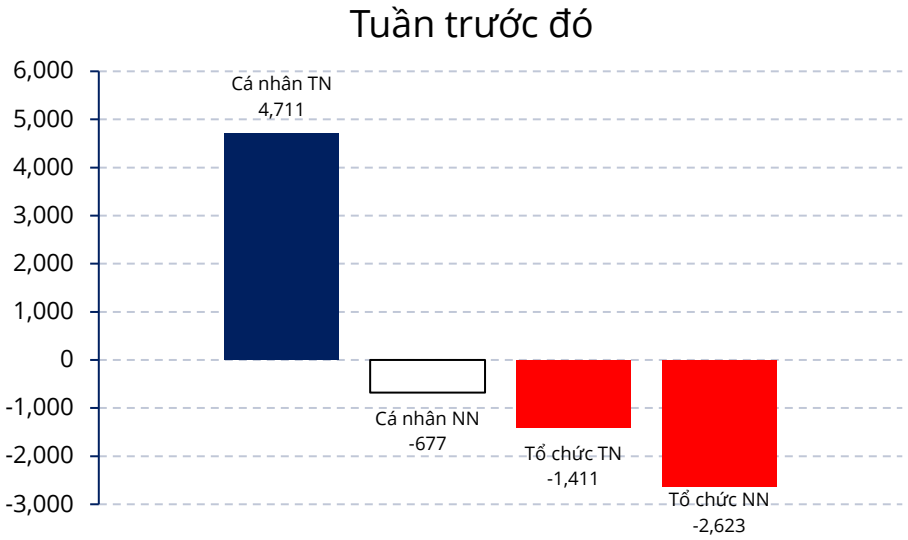
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

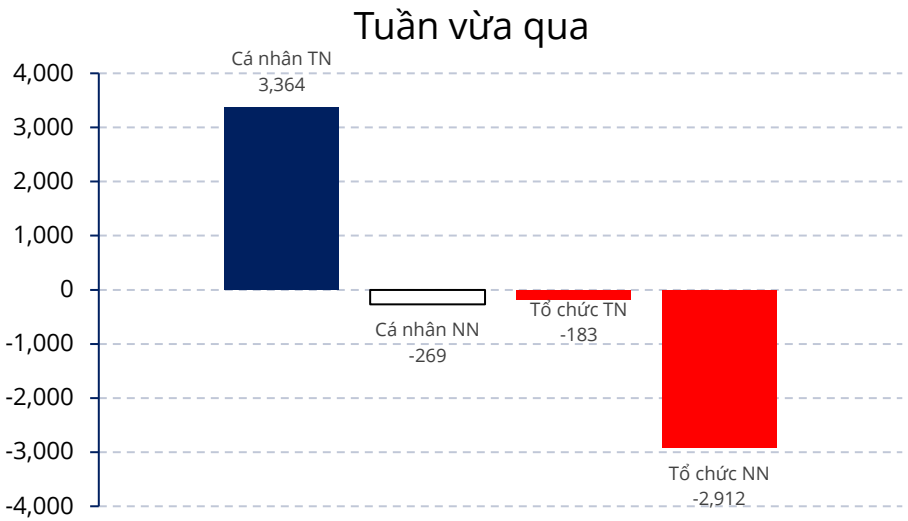
Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư, diễn biến tương tự vẫn diễn ra khi nhà đầu tư cá nhân mua ròng với giá trị giao dịch ròng đạt 3.364 tỷ đồng. Ngược lại, nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng mạnh với giá trị giao dịch ròng lần lượt là -183 tỷ đồng và -3.095 tỷ đồng.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SJF	Y tế	2.01 - 24.60	16.9	-24.94%
2	IDI	Thực phẩm và đồ uống	5.15 - 25.90	19.1	-24.70%
3	TNI	Tài nguyên Cơ bản	2.90 - 14.65	9.6	-24.47%
4	APG	Dịch vụ tài chính	6.25 - 30.00	20.4	-23.21%
5	KHP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.00 - 24.95	19.0	-18.63%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.39%	110.4	63.50 - 114.40	Ô tô và phụ tùng	SVC
20.64%	13.2	1.65 - 13.15	Xây dựng và Vật liệu	CIG
16.14%	8.1	2.17 - 8.30	Xây dựng và Vật liệu	ROS
14.75%	103.5	22.12 - 118.90	Bất động sản	HDC
16.14%	8.1	2.17 - 8.30	Thực phẩm và đồ uống	HAG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SDA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.10 - 80.00	52.0	-30.67%
2	VTZ	#N/A	13.80 - 19.60	13.8	-22.91%
3	KST	Công nghệ Thông tin	17.80 - 35.00	25.5	-18.27%
4	TPP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.10 - 16.50	11.2	-17.04%
5	V21	Xây dựng và Vật liệu	3.70 - 19.70	14.5	-16.18%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.29%	32.4	8.50 - 32.40	Y tế	LDP
41.94%	8.8	2.40 - 8.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L43
32.76%	23.1	9.10 - 25.00	Xây dựng và Vật liệu	VMC
30.65%	8.1	3.20 - 8.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	LM7
27.42%	7.9	4.30 - 7.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L35

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	LPT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.50 - 38.20	24.0	-32.20%
2	BOT	Xây dựng và Vật liệu	16.60 - 63.00	17.1	-30.77%
3	SBD	Công nghệ Thông tin	8.30 - 25.00	17.4	-30.40%
4	HSA	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.30 - 76.00	34.1	-28.06%
5	DUS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.00 - 33.00	23.9	-27.58%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
99.84%	122.7	16.20 - 122.70	Hàng cá nhân & Gia dụng	TAG
93.75%	9.3	4.50 - 9.30	Xây dựng và Vật liệu	VHH
80.58%	18.6	4.60 - 18.60	Xây dựng và Vật liệu	DCF
58.74%	42.7	8.50 - 56.30	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	POB
45.74%	27.4	4.00 - 32.70	Xây dựng và Vật liệu	LG9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	SII	Hạ tầng Nước Sài Gòn	Xây dựng và Vật liệu	20	554.2	17.0	13.40 - 21.00	-1.2
2	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	989	486.6	48.5	33.50 - 50.20	5.4
3	DHG	Dược Hậu Giang	Y tế	9,763	478.6	116.7	90.00 - 116.70	17.3
4	GDT	Gỗ Đức Thành	Hàng cá nhân & Gia dụng	6,842	356.6	63.3	37.00 - 65.50	-2.3
5	PTL	Petroland	Bất động sản	51,119	266.8	11.8	4.09 - 14.40	0.0
6	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	1,701	241.3	85.9	67.00 - 87.00	6.7
7	TRA	Traphaco	Y tế	2,326	201.6	92.4	59.60 - 105.00	2.8
8	PME	Dược phẩm Pymepharco	Y tế	271	172.4	80.2	n.a	n.a
9	CRE	Bất động sản Thế Kỷ	Bất động sản	77,176	147.0	36.0	11.59 - 36.50	20.8
10	VCG	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	340,666	126.8	47.0	39.30 - 53.00	0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	96.12	0.03	2.40	4.44	6.87	
VND/USD	22,792	0.52	0.22	0.12	-1.32	
KRW/USD	1,179.90	-1.12	-0.14	1.97	8.61	
JPY/USD	112.80	-0.51	-1.06	2.82	9.25	
EUR/USD	0.88	0.07	2.65	5.01	7.99	
SGD/USD	1.37	-0.01	1.77	2.27	3.75	
CNY/USD	6.38	-0.26	-0.47	-1.22	-2.31	

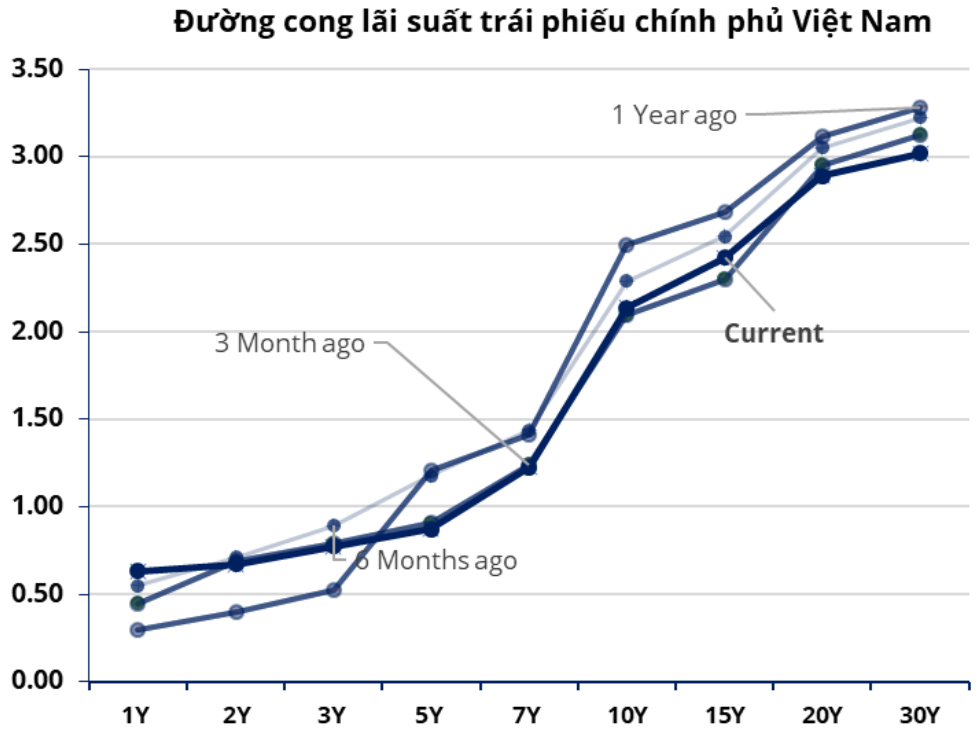
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	66.26	-2.77	-18.06	-4.37	36.56	
Xăng	195.29	-3.77	-16.49	-9.34	38.66	
Gas	4.13	-24.14	-27.13	-12.31	62.74	
Than	155.25	-1.43	-1.43	-13.27	92.86	
Vàng	1,783.29	-1.07	0.76	-2.43	-6.06	
Bạc	22.52	-2.73	-4.23	-8.87	-14.69	
Platinum	936.19	-2.31	-9.33	-8.82	-12.68	
Quặng sắt	101.49	7.47	2.15	-29.92	-34.88	
Thép cán	4,779.00	-0.02	-7.49	-17.07	4.46	
Lúa mì	794.50	-3.76	1.73	11.20	24.04	
Ngô	586.00	-0.13	3.90	15.35	21.07	
Gỗ	906.70	18.34	48.81	65.70	3.85	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.63	0.67	0.78	0.87	1.23	2.14	2.42	2.89	3.02
Thay đổi (BPS)	3.20	0.00	-1.30	1.00	2.10	2.70	1.70	0.00	-0.50

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.